TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 31/8/2022
V/v "Chia tài sản chung sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Hương**
Các Thẩm phán: Bà **Phạm Thị Xuân Đào**
Bà **Lê Thị Ký**

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Vũ Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 15/2022/TLPT- HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2022 về việc "Chia tài sản chung sau ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2022/HNGĐ-ST ngày 11-02-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2022/QĐPT-HNGĐ ngày 20 tháng 06 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 48/2022/QĐ-PT ngày 16/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 09, đường số 4, khu phố c, phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà **Võ K**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số 09, đường số 4, khu phố c, phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn P, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 2009/64 Phạm Thế Hiển, phường A, quận B, thành phố C(Giấy ủy quyền lập ngày 25/01/2022)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Nguyễn L**sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu 3, khu phố c, phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

2. Chị **Lê M**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khu 3, khu phố c, phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

3.Anh **Nguyễn T'**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 09, đường số 4, khu phố c, phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

4. Anh **Nguyễn X**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu 3, khu phố c, phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của anh L, chị M, anh T', anh Xlà Ông Nguyễn P, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 2009/64 Phạm Thế Hiển, phường A, quận B, thành phố C(Văn bản ủy quyền lập ngày 25/01/2022)

5. Chị **Nguyễn N**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu 3, khu phố c, phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

6. Chị **Nguyễn N'**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ 6, ấp Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

7. Anh **Nguyễn L'**, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Số 09, đường số 4, khu phố c, phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn P, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 2009/64 Phạm Thế Hiển, phường A, quận B, thành phố C(Văn bản ủy quyền lập ngày 25/01/2022)

Do có đơn kháng cáo của bị đơn bà Võ K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Lanh Nguyễn X, anh Nguyễn L', anh Nguyễn T', chị Nguyễn N'.

(Ông T, ông P có mặt; Các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Nguyên đơn trình bày:

Nguyên vào năm 1979, ông tự nguyện xây dựng gia đình với bà Võ K, đến năm 1983 có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện L tỉnh Đồng Nai (nay là phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai). Quá trình chung sống có 05 con chung là: Nguyễn L sinh năm 1980; Nguyễn X, sinh năm 1983; Nguyễn T', sinh năm 1985; Nguyễn N', sinh năm 1987 và Nguyễn L', sinh năm 1989.

Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên năm 2016 ông làm đơn ly hôn với bà Võ K. Ngày 21/9/2016, Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là thành

phố Long Khánh) xét xử cho ông được ly hôn với bà Anh theo bản án số 38/2016/HNGĐ-ST. Khi ly hôn ông và bà Anh chưa chia tài sản chung của vợ chồng.

Sau khi ly hôn ông xuống chòi ở trong rẫy là thửa đất số 78, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp Cẩm Tân, xã X, thị xã Kđể sinh sống, còn nhà tại thửa đất số 115, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Cẩm Tân, xã X, thị xã K giao cho bà Anh ở, thế nhưng bà Anh nhiều lần xuống đập phá chòi của ông. Cụ thể ngày 18/11/2017 bà Anh lại tiếp tục đập phá, chặt cây cối của ông, thời gian gần đây bà Anh còn xuống hái trái cây do ông đang canh tác. Vì vậy nay ông làm đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn.Tài sản vợ chồng gồm có:

1) Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Cẩm Tân, xã X, thị xã K(nay là khu phố Cẩm Tân, phường T, thành phố K) có diện tích 219m^2, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất(QSDĐ) số CB458439 ngày 27/7/2015 cho ông và bà Võ K. Trên đất có căn nhà xây cấp 4, xây dựng năm 1995 cho đến nay; hiện nay bà Võ K cùng con ông là Nguyễn T' và Nguyễn L' đang ở.

2) Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp Cẩm Tân, xã X, thị xã K(nay là khu phố Cẩm Tân, phường T, thành phố K) có diện tích 2.060m^2, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CB458440 ngày 27/7/2015 cho ông và bà Võ K. Trên đất có các tài sản là: 01 căn nhà gỗ do anh Nguyễn X xây dựng năm 2008, Xuân đã có vợ là Nguyễn N, có 3 con chung là Nguyễn Thị Thùy Trang, Nguyễn Thị Ngọc Nguyên, Nguyễn Thắng. Các con của Xuân vẫn còn nhỏ, đang đi học; anh Xuân đã có hộ khẩu riêng tách hộ cùng địa chỉ. Đồng thời có 01 căn nhà xây do Nguyễn Văn Lâm xây dựng năm 2018 có diện tích chiều ngang khoảng 7m, dài khoảng 30m; Lâm hiện đang sống với vợ là Lê M và 01 người con chung, họ đã có hộ khẩu riêng tách hộ cùng địa chỉ; 01 giếng khoan sâu 65m, khoan khoảng vào năm 2016. Trên đất còn có 02 cây chôm chôm, 20 cây bưởi, 4 cây mít và 06 cây bơ.

Ông chỉ yêu cầu nhận một phần nhỏ để an hưởng tuổi già nhưng bà Anh và các con hết lần này đến lần khác gây khó dễ. Tòa án mời nhiều lần không đến làm việc thậm chí chống đối. Ngay cả bà Nguyễn N' là người được bà Anh ủy quyền cũng không chấp hành pháp luật. Tòa án mời làm việc không đến mà còn làm đơn khiếu nại không có căn cứ để cố tình kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Bản thân ông tuổi đã cao, kinh tế khó khăn, không có nhà ở hiện phải tạm trú trong căn chòi tạm chẳng khác nào túp lều, mỗi khi mưa bão việc sinh hoạt gặp nhiều khó khăn. Trong khi mẹ con bà Anh nhà cửa đàng hoàng lại cố tình gây khó dễ, muốn kéo dài vụ kiện để đến khi ông chết dễ bề chiếm đoạt.

Trước đây ông và bà Anh chỉ cho các con anh X và anh L cất nhà ở trên đất

chứ chưa làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất. Nay ông yêu cầu Tòa án chia tài sản như sau:

+ Đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp Cẩm Tân, xã X, thị xã K(nay là khu phố Cẩm Tân, phường T, thành phố K) có diện tích 2.060m^2. Ông yêu cầu được nhận một phần diện tích đất là 1041.6m^2 có giới hạn bởi các điểm (a, 10, 11, 12, 13,14,15, a) theo bản Trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 6383/2019 ngày 23/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Long Khánh. Trên phần đất ông yêu cầu được chia có 02 cây chôm chôm, 20 cây bưởi, 4 cây mít và 06 cây bơ. Phần đất còn lại là 1018.4m^2 có giới hạn bởi các điểm (1,2,3,4,5,6,7,8,9,a,15,16,1) trên đất có nhà của các con ông là Lâm và Xuân đang ở, một giếng khoan và một số cây tạp thì ông không có ý kiến tranh chấp gì. Ông để lại phần đất này cho bà Anh được toàn quyền sở hữu và quyết định việc tặng cho tài sản cho anh L và anh X khi các con có yêu cầu.

+ Đối với Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Cẩm Tân, xã X, thị xã K(nay là khu phố Cẩm Tân, phường T, thành phố K) có diện tích 219m^2 và tài sản trên đất ông tự nguyện giao lại cho bà Kim Anh được toàn quyền sở hữu nhà và đất, ông không tranh chấp gì đối với khối tài sản này. Ngoài ra còn có những vật dụng sinh hoạt trong gia đình nhưng ông không tranh chấp.

Giá trị tài sản tranh chấp từ khi Tòa án định giá đến nay không có sự thay đổi nên ông không yêu cầu Tòa án định giá lại cũng không yêu cầu Tòa án xem xét lại tài sản. Ông hoàn toàn thống nhất với bản trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 6383/2019 ngày 23/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai chi nhánh Long Khánh và Chứng thư thẩm định giá số 78/TĐG-CT ngày 22/6/2020 của Công ty Cổ phần thẩm định giá Đồng Tiến. Ngoài ra còn có 01 căn chòi tạm và một số cây tạp không có giá trị sử dụng nên ông không yêu cầu định giá.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 21/06/2019 của bà Võ K và tại phiên tòa, ông Nguyễn P đại diện của bà Anh trình bày:

Ông bà ly hôn từ năm 2016, về tài sản chung vợ chồng gồm có 219m^2 thửa đất 115 tờ bản 08 và thửa đất 78 tờ bản đồ số 04 diện tích 2060m^2 trên đất có nhà của con là anh Nguyễn Văn Lâm và Nguyễn X, ngoài ra không có tài sản gì khác. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của Ông T bà Anh không có ý kiến. Tuy nhiên đối với việc yêu cầu chia đất nông nghiệp thì không được chia tách để phục vụ sản xuất và chia cho các con. Đối với căn nhà đề nghị định giá lại do giá trị không còn hợp lý vì định giá từ năm 2019. Bản thân ông Pkhông thể tranh luận vì ông không được tiếp cận các chứng cứ do thẩm phán Trường không giao quyết định thay đổi thẩm phán cho bà Anh nên bà bị tước quyền đó.

- Theo bản tự khai ngày 21/06/2019, biên bản ghi lời khai ngày 18/12/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Chị Nguyễn N' trình bày:

Chị là con thứ tư trong gia đình, hiện nay cha của chị là Ông T yêu cầu chia tài sản với mẹ, chị không đồng ý. Chị có đóng góp tài sản trong gia đình, phụ giúp đóng góp xây nhà, mua đất lo cho gia đình. Chị và Ông T sẽ tự thỏa thuận và có ý kiến sau.

Việc Ông T yêu cầu Tòa án chia tài sản chung thì chị không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, về khối tài sản chung của Ông T, bà Anh thì chị có đóng góp tiền để mua đất và xây nhà, chị không có giấy tờ gì chứng minh nhưng tất cả các anh em của chị đều biết, chị sẽ có đơn yêu cầu độc lập để chia tài sản gửi Tòa án vì khối tài sản này có phần đóng góp của chị. Chị không đến Tòa án làm việc là do nhà ở xa, hiện đang mang thai nên đi lại khó khăn và chị đang gửi đơn khiếu nại lên Tòa án Long Khánh nhưng vẫn chưa được giải quyết nên không biết kết quả khiếu nại thế nào. Hiện nay chị vẫn là người đại diện theo ủy quyền của bà Anh.

- Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 27/12/2021 của anh Nguyễn X và tại phiên tòa ông Nguyễn P đại diện trình bày:

Anh được bố mẹ chia cho phần đất làm nhà với diện tích ngang 9m dài 40m. tổng diện tích là 380m^2 nằm trên thửa đất số 78 bản đồ 04 tại khu 3, khu phố c, phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. Giấy phép sử dụng đất số O2586 ngày 27/07/2015. Anh đã bỏ tiền cất nhà từ năm 2008 trị giá 65.000.000đ và ở ổn định cho đến nay. Nay biết được bố và mẹ anh chia phần đất này liên quan diện tích đất và nhà anh đang ở và anh được mời tham gia với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan vụ án số 162/2017/TLST - HNGĐ. Nay anh đề nghị Tòa án: buộc bố mẹ anh thực hiện hoàn tất thủ tục tặng cho diện tích đất và nhà do anh cất và đang ở. Được quyền liên hệ với văn phòng sử dụng đất đai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất. Tuy nhiên anh Xlà người sống trên đất đã bị Tòa án tước quyền do không chấp nhận đơn yêu cầu độc lập. Vì anh Xcó sự đóng góp và có tài sản trên đất. Sự hiểu biết của anh Xcó giới hạn đồng thời bị tước quyền yêu cầu độc lập nên ông Pkhông thể trình bày.

- Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 27/12/2021 và tại biên bản hòa giải ngày 31/12/2021 của anh Nguyễn Văn Lâm và tại phiên tòa ông Nguyễn P đại diện trình bày:

Anh được bố mẹ chia cho phần đất làm nhà với diện tích ngang 7m dài 35m. tổng diện tích là 245m^2 nằm trên thửa đất số 78 bản đồ 04 tại khu 3, khu phố c, phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. Giấy phép sử dụng đất số O2586 ngày 27/07/2015. Anh đã bỏ tiền xây nhà từ năm 2018 trị giá 415.000.000đ và ở ổn định cho đến nay. Nay biết được bố anh chia phần đất này với mẹ anh, liên quan diện

tích đất và nhà anh đang ở và anh được mời tham gia với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan vụ án số 162/2017/TLST - HNGĐ. Nay anh đề nghị Tòa án: buộc bố mẹ anh thực hiện hoàn tất thủ tục tặng cho tặng diện tích đất và nhà do anh cất và đang ở. Được quyền liên hệ với văn phòng sử dụng đất đai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất.

Anh và vợ là chị Lê M hiện đang sinh sống trên phần đất của cha mẹ anh tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 04 tại phường Xuân Tân. Nay cha anh là ông Nguyễn T yêu cầu chia tài sản đối với diện tích đất này thì anh không đồng ý. Anh có đơn yêu cầu độc lập nộp cho Tòa án vào ngày 27/12/2021, Tòa án đã ra thông báo trả đơn, anh không đồng ý nhận văn bản trả đơn.

Theo ông Phong, anh L là người sống trên đất đã bị Tòa án tước quyền do không chấp nhận đơn yêu cầu độc lập. Vì anh L có sự đóng góp ,có tài sản và ở trên đất. Sự hiểu biết của anh Xcó giới hạn, đồng thời bị tước quyền yêu cầu độc lập nên ông Pkhông thể trình bày.

- Theo biên bản hòa giải ngày 31/12/2021 và tại phiên tòa chị Lê M trình bày :

Chị và chồng chị là anh Nguyễn Văn Lâm hiện đang sinh sống trên phần đất của cha mẹ chồng tại thửa đất số 78, tờ bản đồ số 04 tại phường T, thành phố K, Đồng Nai. Nay cha chồng là ông Nguyễn T yêu cầu chia tài sản đối với diện tích đất này thì chị không đồng ý, chị thống nhất với ý kiến của chồng mình.

- Tại phiên tòa ông Nguyễn P đại diện cho anh Nguyễn T' và anh Nguyễn L' trình bày :

Anh Nguyễn T' và anh Nguyễn L' là những người sống trong căn nhà 219m^2 với bà Kim Anh và đã có công sức đóng góp sửa chữa nhà vào năm 2020. Anh T' và anh Lũ bị tước quyền tham gia phiên họp do không nhận được văn bản mở phiên họp nên không biết thẩm phán Trường giải quyết vụ án này. Việc anh T', anh Lũ có đóng góp cho việc sửa chữa nhà của bà Kim Anh ông có nghe nói lại chứ ông cũng không có bằng chứng để nộp cho Tòa án.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án và không có văn bản nêu ý kiến. Tại phiên tòa cũng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2021/HNGĐ-ST ngày 11-02-2022 *của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T về việc chia tài sản chung sau ly hôn.

1. Giao cho ông Nguyễn T được quyền sở hữu phần diện tích đất là 1041.6m^2 được giới hạn bởi các điểm (a, 10, 11, 12, 13,14,15, a) và các tài sản trên đất là 02 cây chôm chôm, 20 cây bưởi, 04 cây mít và 06 cây bơ. Theo tứ cận như sau :

Đông giáp: Đường đất

Tây giáp: thửa 75

Nam giáp: một phần thửa 78

Bắc giáp : Đường đất

Tổng giá trị tài sản Ông T nhận là: (1.770.720.000đ + 8.830.000đ + 7.912.500đ) = 1.787.462.500đ. (Một tỷ bảy trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng). Theo chứng thư thẩm định giá số 78/TĐG -CT ngày 22/06/2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Tiến.

2. Giao cho bà Võ K được quyền sở hữu đối với phần diện tích đất là 1018.4m^2 được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, a,15,16,1) thuộc 01 phần thửa đất số 78, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại phường khu phố Cẩm Tân, phường T, thành phố K.

Đông giáp: Đường đất

Tây giáp: Thửa 76

Nam giáp: thửa 77

Bắc giáp : một phần thửa 78

Theo bản Trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 6383/2019 ngày 23/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Long Khánh. Thuộc thửa đất số 78, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại khu phố Cẩm Tân, phường T, thành phố K, được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB458440 ngày 27/7/2015 cho ông Nguyễn T, bà Võ K.

Giành quyền khởi kiện cho anh Nguyễn Lchị Lê M và anh Nguyễn X, chị Nguyễn N sống trên phần đất 1.018,4m^2 thuộc 01 phần thửa đất số 78, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai liên quan đến việc tặng, cho quyền sử dụng đất và tài sản trên đất bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

3. Giao cho bà Võ K được quyền sở hữu đối với diện tích đất là 219m^2 và các tài sản trên đất thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Cẩm Tân, xã X, thị xã K(nay là khu phố Cẩm Tân, phường T, thành phố K) đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CB458439 ngày 27/7/2015 cho ông Nguyễn T và bà Võ K có giới hạn bởi các điểm (1, 2, 3, 4 5, 1). Theo trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 6383/2019 ngày 23/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Long Khánh.

Tổng giá trị tài sản bà Anh nhận là: (2.808.120.000đ + 1.738.030.000đ) = 4.546.150.000đ (Bốn tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu một trăm năm mươi ngàn đồng). Theo chứng thư thẩm định giá số 78/TĐG -CT ngày 22/06/2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Tiến.

Bà Võ K phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB458440 đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn T, bà Võ K ngày 27/7/2015 cho Ông T để thực hiện việc chia tài sản đối với thửa đất số 78, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại khu phố Cẩm Tân, phường T, thành phố K, Đồng Nai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, việc thi hành bản án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 21/02/2022, bà Võ K, anh Nguyễn Lanh Nguyễn X, anh Nguyễn L', anh Nguyễn T', chị Nguyễn N' có đơn kháng cáo bản án số 07/2022/HNGĐ-ST ngày 11-02-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng hủy bản án sơ thẩm để giải quyết toàn diện vụ án, đảm bảo khách quan và khắc phục các sai phạm thủ tục.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thay đổi thẩm phán liên tục và không thông báo cho đương sự là không có căn cứ, hồ sơ thể hiện chánh án Tòa án phân công Thẩm phán đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đã thực hiện việc tống đạt cho đương sự. Về việc trả lại đơn yêu cầu độc lập của ông Lâm, ông Xuân là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Lâm, ông Xuân vì Tòa án cấp sơ thẩm đã dành quyền khởi kiện cho ông Lâm, ông Xuân khi có yêu cầu. Về nội dung: Ông T yêu cầu chia phần diện tích đất 1041.6m^2, yêu cầu của Ông T là phù hợp có lợi cho bà Anh. Do đó, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của bà Võ K, anh Nguyễn Lanh Nguyễn X, anh Nguyễn L', anh Nguyễn T', chị Nguyễn N'. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và người tham gia tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định chính xác và đầy đủ.

[1.2] Bị đơn bà Võ K và những người liên quan là Nguyễn LNguyễn T', Nguyễn X, Nguyễn N' và Nguyễn L' gửi đơn kháng cáo trong thời hạn và đóng tạm ứng án phí theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Chị Nguyễn N' là người có đơn kháng cáo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt nên được coi như là từ bỏ việc kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của chị Ngân theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Võ K, anh Nguyễn Lanh Nguyễn X, anh Nguyễn L', anh Nguyễn T':

[2.1] Bị đơn và những người liên quan kháng cáo cho rằng Thẩm phán vi phạm tố tụng do thay đổi Thẩm phán nhưng không tống đạt cho đương sự biết. Nội dung kháng cáo này không có căn cứ, vì tại bản án sơ thẩm đã nhận định rõ:

Tại phiên tòa, ông Nguyễn P có ý kiến thay đổi Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và nộp cho Hội đồng xét xử "đơn khiếu" cho rằng bị đơn và những người liên quan không nhận được Quyết định thay đổi Thẩm phán nên không thực hiện được các quyền và nghĩa vụ của mình. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thảo luận và quyết định không chấp nhận ý kiến thay đổi thẩm phán chủ tọa phiên tòa do không có căn cứ theo quy định tại Điều 52 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, trong thời gian chuẩn bị xét xử ngày 12/01/2022 bà Kim Anh đã khiếu nại văn bản trả lời của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh lên Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai. Ngày 21/01/2022, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có quyết định giải quyết khiếu nại số 03/2022/QĐ - QGKN không chấp nhận đơn khiếu nại của bà Kim Anh. Do đó không có cơ sở để xem xét.

Bị đơn và những người liên quan kháng cáo cho rằng thẩm định tại chỗ sai đối tượng và thẩm định nhiều lần, định giá quyền sử dụng đất không theo thực trạng biến đổi, biến động trên đất. Nội dung kháng cáo này cũng không có căn cứ vì việc thẩm định giá là theo quy định của pháp luật và do cơ quan có thẩm quyền thực hiện. Các bên đương sự sau khi nhận được kết quả thẩm định cũng không thắc mắc, khiếu nại gì.

[2.2] Đối với kháng cáo về chia tài sản chung:

Hồ sơ thể hiện tài sản chung của ông Nguyễn T và bà Võ K là :

1) Thửa đất số 115, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Cẩm Tân, xã X, thị xã K(nay là khu phố Cẩm Tân, phường T, thành phố K) có diện tích 219m^2, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CB458439 ngày 27/7/2015 cho ông và bà Võ K.

2) Thửa đất số 78, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp Cẩm Tân, xã X, thị xã K(nay là khu phố Cẩm Tân, phường T, thành phố K) có diện tích 2.060m^2, đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CB458440

ngày 27/7/2015 cho ông và bà Võ K. Trên 02 thửa đất còn có những vật kiến trúc và cây trồng, hiện gia đình ông đang sinh sống trên đất.

Trước đây khi ly hôn thì tài sản chung của vợ chồng chưa chia. Sau khi ly hôn, Ông T làm căn chòi ở tạm trên phần đất rẫy, còn bà Anh thì sống trong căn nhà trên diện tích 219m^2 tại khu phố c, phường X, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. Theo Ông T thì bà Anh thường xuyên xuống chặt hái cây trái và đập phá đồ đạc trong căn chòi của ông. Hiện nay ông cũng chưa có nhà để ở, vì vậy ông làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn là có căn cứ.

Ông T yêu cầu được nhận hiện vật và chỉ nhận một phần trong khối tài sản chung. Cụ thể Ông T yêu cầu chia cho ông diện tích đất là 1041.6m^2 có giới hạn bởi các điểm (a, 10, 11, 12, 13, 14, 15, a) thể hiện tại Trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 6383/2019 ngày 23/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Long Khánh thuộc một phần thửa đất số 78, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại ấp Cẩm Tân, xã X, thị xã K(nay là khu phố Cẩm Tân, phường T, thành phố K) là hoàn toàn hợp lý. Đối với thửa đất số 115, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Cẩm Tân, xã X, thị xã K(nay là khu phố Cẩm Tân, phường T, thành phố K) có diện tích 219m^2 ông không yêu cầu chia mà giao cho bà Anh sử dụng là có lợi cho bà Anh nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cho Ông T quản lý, sử dụng diện tích đất là 1041.6m^2 thuộc thửa 78 là hoàn toàn phù hợp.

Tổng giá trị tài sản Ông T nhận là: (1.770.720.000đ + 8.830.000đ + 7.912.500đ) = 1.787.462.500đ. (Một tỷ bảy trăm tám mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng). Theo chứng thư thẩm định giá số 78/TĐG -CT ngày 22/06/2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Tiến.

Giao cho bà Anh phần diện tích đất 1.018,4m^2 thuộc thửa 78, trên diện tích đất còn có tài sản là: 01 căn nhà gỗ do anh Nguyễn X xây dựng năm 2008 và gia đình anh Xđang ở trên đất. Trước đây Ông T, bà Anh để cho các con xây nhà trên đất nhưng chưa làm thủ tục tặng cho, các đương sự đang sử dụng tài sản cũng không có ý kiến gì nên Tòa án cấp sơ thẩm giao quyền sử dụng đất và tài sản có trên đất cho bà Võ K quản lý, sử dụng đối với phần đất có nhà của anh L, anh Xđang sống trên đất và dành quyền khởi kiện cho anh L, anh Xliên quan đến việc tặng cho đất gắn liền tài sản trên đất bằng vụ án khác khi có yêu cầu là có cơ sở.

Tổng giá trị tài sản bà Anh nhận là: (2.808.120.000đ + 1.738.030.000đ) = 4.546.150.000đ (Bốn tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu một trăm năm mươi ngàn đồng). Theo chứng thư thẩm định giá số 78/TĐG -CT ngày 22/06/2020 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Đồng Tiến.

Đối với ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bị đơn cũng thừa nhận tài sản Ông T yêu cầu chia là tài sản chung của Ông T và bà Kim Anh. Bà Anh không đồng ý chia đất nông nghiệp với lý do để sản xuất

và chia cho các con là không phù hợp vì nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng chỉ chia cho vợ và chồng. Đồng thời, sau khi ly hôn thì Ông T tự canh tác phần đất ông yêu cầu chia, bà Anh không có chứng cứ chứng minh cho việc bỏ công sức đóng góp cho cây trồng trên đất và không có yêu cầu gì trong quá trình giải quyết vụ án. Theo công văn số 2258/UBND-NC ngày 22/7/2020, UBND thành phố Long Khánh trả lời thì trường hợp diện tích đất nông nghiệp của Ông T bà Anh tại thửa 78 đủ điều kiện tách thửa. Vì vậy, ý kiến của bà Anh không phù hợp nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của anh L, anh X cho rằng họ bị tước quyền là không chính xác. Vì diện tích đất trên là của Ông T và bà Kim Anh, việc cho các con chỉ nói miệng, chưa thực hiện các thủ tục tặng cho hợp pháp nên chưa được công nhận diện tích đất trên là của các con. Bà Kim Anh cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với việc có cho tài sản các con Lâm, Xuân hay không, nên Ông T đề nghị giao lại cho bà Kim Anh 01 phần diện tích đất, trên đất có tài sản của anh L, anh Xđể bà Kim Anh tự quyết định việc tặng cho là có căn cứ.

- Đối với yêu cầu kháng cáo của anh T', anh Lũ về việc đã có công sức đóng góp cho việc sửa nhà năm 2020 của bà Kim Anh nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Võ K, anh Nguyễn Lanh Nguyễn X, anh Nguyễn L', anh Nguyễn T' mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Chị Nguyễn N' kháng cáo nhưng triệu tập hợp lệ 02 lần không lên nên phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000đ.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ K, anh Nguyễn Lanh Nguyễn X, anh Nguyễn T', anh Nguyễn L'.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 07/2022/HNGĐ-ST ngày 11/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Khánh.

Đình chỉ phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn N'.

- Căn cứ các Điều 33, 59, 62, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 7 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TA NDTC- KSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát tối cao, Bộ Tư

pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T về việc "chia tài sản chung sau ly hôn" đối với bà Võ K.

1. Giao cho ông Nguyễn T được quyền sử dụng phần diện tích đất là 1041.6m^2 được giới hạn bởi các điểm (a, 10, 11, 12, 13,14,15, a) và các tài sản trên đất là 02 cây chôm chôm, 20 cây bưởi, 04 cây mít và 06 cây bơ. Theo tứ cận như sau: Đông giáp: Đường đất, Tây giáp: thửa 75, Nam giáp: một phần thửa 78, Bắc giáp: Đường đất.

2. Giao cho bà Võ K được quyền sử dụng đối với phần diện tích đất là 1018.4m^2 được giới hạn bởi các điểm (1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, a,15,16,1) thuộc 01 phần thửa đất số 78, tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại phường khu phố Cẩm Tân, phường T, thành phố K theo tứ cận như sau: Đông giáp: Đường đất, Tây giáp: Thửa 76, Nam giáp: thửa 77, Bắc giáp : một phần thửa 78. Theo bản Trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 6383/2019 ngày 23/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Long Khánh.

3. Giao cho bà Võ K được quyền sử dụng diện tích đất là 219m^2 và sở hữu các tài sản trên đất thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Cẩm Tân, xã X, thị xã K(nay là khu phố Cẩm Tân, phường T, thành phố K) đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CB458439 ngày 27/7/2015 cho ông Nguyễn T và bà Võ K có giới hạn bởi các điểm (1, 2, 3, 4 5, 1) theo trích lục và đo vẽ hiện trạng thửa đất bản đồ địa chính số 6383/2019 ngày 23/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Long Khánh.

Bà Võ K phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB458440 đã được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/7/2015 cho ông Nguyễn T để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan n hà nước có thẩm quyền để tiến hành thủ tục sang tên, chuyển quyền cũng như đăng ký kê khai, tách thửa theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Ông T đã nộp xong chi phí tố tụng nên bà Anh phải hoàn trả lại cho Ông T số tiền chi phí tố tụng là 43.751.508đ. (Bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi mốt ngàn năm trăm lẻ tám đồng).

5. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn T. Hoàn trả cho ông Nguyễn T số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 008049 ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Long Khánh).

Bà Võ K phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí chia tài sản chung và 112.546.150đ (Một trăm mười hai triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn một trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ K, anh Nguyễn Lanh Nguyễn X, anh Nguyễn L', anh Nguyễn T', chị Nguyễn N' mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Anh, anh L, anh Xuân, anh Lũ, anh T', chị Ngân đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005399, 0005395, 0005396, 0005397, 0005398, cùng ngày 21/02/2022 và biên lai số 0005401 ngày 22/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND Tp.Long Khánh;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS Tp.Long Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Thu Hương